TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TS** **TỈNH BN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:10/2020/DS-ST
Ngày: 22/9/2020
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TS, TỈNH BN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Thúy, ông Nguyễn Văn An.

- Th ký phiên toà: Bà Đàm Thu Hường - Th ký Tòa án nhân dân thị xã TS, tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TS tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã TS, tỉnh BN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLST- DS ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10A/2020/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội; Địa chỉ: Số 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trọng Cường – Giám đốc ngân hàng chính sách xã hội thị xã TS theo văn bản số 7300 ngày 09/9/2019 của Tổng giám đốc ngân hàng chính sách xã hội.

Người được ủy quyền lại: Ông Vũ Trọng Tuấn – Phó Giám đốc ngân hàng chính sách xã hội thị xã TS theo văn bản số 70 ngày 13/4/2020 của Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội thị xã TS; Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, phường Đông Ngàn, thị xã TS, tỉnh BN. Có mặt.

Bị đơn: Hộ anh Trần Văn N, sinh năm 1994 gồm anh Trần Văn N, sinh năm 1994, ông Trần Văn T, sinh năm 1974; bà Trần Thị Th, sinh năm 1975, anh Trần

Văn D, sinh năm 1999; Cùng địa chỉ: khu đất phần trăm gần nghĩa trang khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thị xã TS, tỉnh BN. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, đại diện ngân hàng chính sách xã hội trình bày:

Vào ngày 01/06/2017 anh Trần Văn N là người đại diện hộ gia đình ký giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, D trì và mở rộng việc làm số tiền vay 50.000.000 đồng để mua máy rút sắt, mua sắt nguyên liệu .Thời hạn vay 24 tháng, trả gốc 06 tháng một lần, lãi suất 0,55%/tháng.Thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/6/2019. Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản (cho vay uỷ thác qua hội nông dân khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, TS, BN).

Ngày 12/06/2017, Ngân hàng đã giải ngân cho anh N là người trực tiếp nhận 50.000.000 đồng từ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội thị xã TS. Sau khi nhận tiền từ ngân hàng, đối với khoản tiền 50.000.000 đồng, hộ gia đình anh N đã không thực hiện đúng việc trả nợ gốc, nợ lãi theo như thỏa thuận và bị chuyển sang nợ quá hạn ngày 06/07/2019. Ngân hàng đã nhiều lần gặp trực tiếp và gửi Thông báo về việc nợ quá hạn cho hộ gia đình anh N, đôn đốc việc trả nợ nhưng hộ gia đình anh N không thực hiện. Từ đó đến nay, hộ gia đình anh N không thực hiện việc trả nợ số tiền nợ gốc là 50.000.000đ và tiền lãi. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã TS yêu cầu hộ ông Trần Văn N gồm anh Trần Văn N, sinh năm 1994, ông Trần Văn T, sinh năm 1974; bà Trần Thị Th, sinh năm 1975, anh Trần Văn D, sinh năm 1999; cùng địa chỉ: khu đất phần trăm gần nghĩa trang, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thị xã TS, tỉnh BN phải trả cho Ngân hàng chính sách số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 19/5/2020 theo giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, D trì và mở rộng việc làm ngày 01/6/2017 là 57.871.000 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi 7.871.000 đồng; cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định theo hợp đồng vay đã ký giữa hai bên.

Bị đơn là hộ gia đình anh Trần Văn N gồm anh Trần Văn N, sinh năm 1994, ông Trần Văn T, sinh năm 1974; bà Trần Thị Th, sinh năm 1975, anh Trần Văn D, sinh năm 1999; cùng địa chỉ: khu đất phần trăm gần nghĩa trang, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thị xã TS, tỉnh BN đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Toà án cùng với chính quyền địa phương đã đến tận nhà làm việc và giao các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật với hộ

gia đình anh N nhiều lần nhưng anh N và các thành viên trong gia đình đều có thái độ bất hợp tác và không chịu làm việc với Toà án cũng không có văn bản nêu ý kiến về nội dung khởi kiện gửi đến Toà án. Do vậy Toà án đã tiến hành lập biên bản làm việc với chính quyền địa phương về sự việc trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không tiến hành hòa giải được do hộ gia đình bị đơn đều vắng mặt. Nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Hộ anh Trần Văn N gồm anh Trần Văn N, sinh năm 1994, ông Trần Văn T, sinh năm 1974, bà Trần Thị Th, sinh năm 1975, anh Trần Văn D, sinh năm 1999 phải trả cho Ngân hàng chính sách số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 22/09/2020 theo giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, D trì và mở rộng việc làm ngày 01/6/2017 là 59.349.072 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi 9.349.072 đồng và cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định theo hợp đồng vay đã ký giữa hai bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên toà là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 và Điều 103 Luật hôn nhân gia đình; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thờng vụ quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội đối với hộ gia đình anh Trần Văn Nvề việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Hộ anh Trần Văn N gồm anh Trần Văn N, sinh năm 1994, ông Trần Văn T, sinh năm 1974, bà Trần Thị Th, sinh năm 1975, anh Trần Văn D, sinh năm 1999 phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 22/09/2020 theo giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, D trì và mở rộng việc làm ngày 01/6/2017 là 59.349.072 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000

đồng và nợ lãi 9.349.072 đồng và cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định theo hợp đồng vay đã ký giữa hai bên.

Về án phí: anh N, ông T, bà Th và anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc hộ anh N, ông T, bà Th và anh D phải trả số tiền gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Hộ gia đình anh N không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiền để mua máy rút sắt, mua sắt nguyên liệu nên đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại khu đất phần trăm gần Nghĩa trang khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thị xã TS, tỉnh BN nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã TS, tỉnh BN thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thời hiệu khởi kiện: Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Hai bên đương sự giao kết hợp đồng vào ngày 12/06/2017. Thời hạn thanh toán của hợp đồng là 24 tháng tính từ ngày ký hợp đồng, đến ngày 12/06/2019. Hộ gia đình anh N không trả tiền cho Ngân hàng theo như thỏa thuận. Ngân hàng yêu cầu nhiều lần nhưng hộ gia đình vẫn không trả nên đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã TS, tỉnh BN. Căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Tòa án nhân dân thị xã TS đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 07/9/2020, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 07 của Hội đồng xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 22/9/2020, anh N, ông T, bà Th anh D đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Anh N đại diện hộ đã nhận đầy đủ tiền theo giấy đề nghị vay vốn nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên Ngân hàng chính sách xã hội đã khởi kiện ra Tòa án buộc hộ gia đình anh N gồm anh N, ông T, bà Th, anh D phải trả tiền cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Hộ gia đình anh N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng cố tình không hợp tác cũng không đưa ra ý kiến về nội dung vụ án. Mục đích vay tiền để mua máy rút sắt, mua sắt nguyên liệu và khi vay có giấy uỷ quyền của các thành viên trong gia đình uỷ quyền ngày 01/6/2017 cho anh N đứng ra vay nợ theo đó các thành viên trong gia đình cam kết đều phải có trách nhiệm đối với khoản vay của ngân hàng chính sách. Vì vậy, có đủ căn cứ để khẳng định khoản nợ này là nợ chung của cả hộ gia đình, các thành viên cùng có trách nhiệm trả nợ. Buộc hộ anh N gồm anh N, ông T bà Th và anh D phải trả cho ngân hàng chính sách xã hội Ngân hàng chính sách xã hội số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 22/09/2020 theo giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, D trì và mở rộng việc làm ngày 01/6/2017 là 59.349.072 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi 9.349.072 đồng; cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định theo hợp đồng vay đã ký giữa hai bên.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng chính sách được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn là anh N, ông T, bà Th, anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 và Điều 103 Luật hôn nhân gia đình; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội đối với Hộ anh Trần Văn N gồm anh Trần Văn N, sinh năm 1994, ông Trần Văn T, sinh năm

1974, bà Trần Thị Th, sinh năm 1975, anh Trần Văn D, sinh năm 1999 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Hộ anh Trần Văn N gồm anh Trần Văn N, sinh năm 1994, ông Trần Văn T, sinh năm 1974, bà Trần Thị Th, sinh năm 1975, anh Trần Văn D, sinh năm 1999 phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 22/09/2020 theo giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, D trì và mở rộng việc làm ngày 01/6/2017 là 59.349.072 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi 9.349.072 đồng;cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định theo hợp đồng vay đã ký giữa hai bên.

Án phí: Anh N, ông T, bà Th, anh D phải chịu 2.967.453 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND thị xã TS;*
- *TAND tỉnh BN;*
- *Cơ quan THADS thị xã TS;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà